

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI
Số: 253/1998/TT-BGTVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 1998

THÔNG TƯ

***Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 40/1998-NĐ-CP ngày 10/6/1998 của Chính phủ
về kinh doanh vận tải biển của Công ty, Doanh nghiệp tư nhân***

Ngày 10 tháng 6 năm 1998, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 40/1998-NĐ-CP về kinh doanh vận tải biển của Công ty, Doanh nghiệp tư nhân;

Căn cứ Điều 17 của Nghị định, Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cụ thể một số nội dung như sau:

I. CẤP PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BIỂN:

1. Đối với công ty, doanh nghiệp xin thành lập mới:

a. Căn cứ điều kiện kinh doanh vận tải biển trên các tuyến hàng hải nội địa hoặc trên các tuyến hàng hải quốc tế quy định tại Điều 5 và Điều 6 của Nghị định số 40/1998/NĐ-CP của Chính phủ (sau đây gọi chung là Nghị định), tổ chức, cá nhân thành lập công ty hoặc doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vận tải biển phải lập hồ sơ và gửi cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét có văn bản gửi Bộ Giao thông vận tải đề nghị cho phép kinh doanh vận tải biển. Hồ sơ bao gồm:

Một bộ hồ sơ thành lập công ty, doanh nghiệp tư nhân theo quy định của Luật Công ty hoặc Luật Doanh nghiệp tư nhân. Trong đó có phương án kinh doanh và điều lệ (đối với công ty) hoặc phương án kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân).

Văn bản của UBND cấp tỉnh gửi Bộ Giao thông vận tải đề nghị chấp thuận cấp phép kinh doanh vận tải biển;

Biên bản góp vốn đã được Hội đồng thành viên công ty thông qua, trong đó ghi rõ vốn góp bằng tiền, vốn góp bằng giá trị tài sản (đối với công ty) hoặc Giấy chứng nhận của Ngân hàng

về số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng của chủ doanh nghiệp và biên bản của Hội đồng định giá tài sản đầu tư ban đầu bằng hiện vật của chủ doanh nghiệp có xác nhận của công chứng nhà nước (đối với doanh nghiệp tư nhân). Số vốn này không được thấp hơn vốn pháp định quy định tại Điều 5 hoặc Điều 6 của Nghị định;

Giấy tờ chứng thực về trụ sở giao dịch của công ty, doanh nghiệp tư nhân;

Bản sao chứng chỉ chuyên môn và ngoại ngữ của người quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và Kế toán trưởng có xác nhận của Cơ quan hành chính Nhà nước hoặc công chứng nhà nước theo quy định của pháp luật;

Sơ yếu lý lịch của người quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh có xác nhận của chính quyền địa phương.

b. Thủ tục và trình tự chấp thuận cho phép kinh doanh, cấp Giấy phép thành lập và đăng ký kinh doanh vận tải biển cho công ty hoặc doanh nghiệp tư nhân thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Nghị định.

2. Đối với công ty, doanh nghiệp tư nhân đã được phép kinh doanh vận tải biển tuyến hàng hải nội địa, nay bổ sung ngành nghề kinh doanh vận tải biển tuyến hàng hải quốc tế:

a. Căn cứ điều kiện kinh doanh vận tải biển tuyến hàng hải quốc tế quy định tại Điều 6 và Điều 10 của Nghị định, công ty, doanh nghiệp tư nhân đã được phép kinh doanh vận tải biển tuyến nội địa lập hồ sơ gửi UBND cấp tỉnh nơi có trụ sở chính, để UBND cấp tỉnh xem xét và có văn bản gửi Bộ Giao thông vận tải cho phép.

Hồ sơ bao gồm:

Văn bản của UBND cấp tỉnh gửi Bộ Giao thông vận tải đề nghị chấp thuận bổ sung ngành nghề kinh doanh vận tải biển tuyến hàng hải quốc tế;

Bản sao hợp lệ Giấy phép thành lập công ty hoặc doanh nghiệp tư nhân và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có xác nhận của Cơ quan có thẩm quyền;

Đơn xin bổ sung ngành nghề kinh doanh vận tải biển tuyến hàng hải quốc tế kèm theo phương án kinh doanh và điều lệ công ty sửa đổi (đối với công ty) hoặc phương án kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân).

Biên bản góp vốn đã được Hội đồng thành viên công ty thông qua, trong đó ghi rõ vốn góp bằng tiền, vốn góp bằng giá trị tài sản (đối với công ty) hoặc Giấy chứng nhận của Ngân hàng

về số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng của chủ doanh nghiệp và Biên bản của Hội đồng định giá tài sản đầu tư ban đầu bằng hiện vật của chủ doanh nghiệp có xác nhận của công chứng nhà nước (đối với doanh nghiệp tư nhân). Số vốn này không được thấp hơn vốn pháp định quy định tại Điều 6 của Nghị định;

Giấy tờ chứng thực về trụ sở giao dịch của công ty, doanh nghiệp tư nhân;

Bản sao chứng chỉ chuyên môn và ngoại ngữ của người quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và Kế toán trưởng có xác nhận của Cơ quan hành chính nhà nước hoặc Công chứng Nhà nước theo quy định của pháp luật;

Sơ yếu lý lịch của người quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh có xác nhận của chính quyền địa phương;

Văn bản của Cơ quan tài chính có thẩm quyền xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước trong năm tài chính trước đó của công ty, doanh nghiệp tư nhân.

b. Trình tự chấp thuận bổ sung ngành nghề kinh doanh vận tải biển tuyến hàng hải quốc tế cho công ty, doanh nghiệp tư nhân thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Nghị định.

3. Về trình độ nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ quy định tại Điều 5 và Điều 6 của Nghị định:

a. Trình độ nghiệp vụ chuyên môn của người quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh là:

Tốt nghiệp trung học chuyên ngành hàng hải trở lên và có thâm niên công tác trong ngành vận tải biển từ 3 năm trở lên đối với kinh doanh vận tải trên các tuyến hàng hải nội địa. 5 năm trở lên đối với tuyến hàng hải quốc tế ven biển;

Tốt nghiệp đại học chuyên ngành hàng hải trở lên và có thâm niên công tác trong ngành vận tải biển từ 5 năm trở lên đối với tuyến hàng hải quốc tế gần và tuyến hàng hải quốc tế viễn dương.

b. Trình độ tiếng Anh cần thiết cho hoạt động kinh doanh vận tải biển trên các tuyến hàng hải quốc tế là trình độ tiếng Anh bằng B trở lên để giao dịch bình thường và xử lý được bằng tiếng Anh đối với các văn bản thông dụng trong hoạt động kinh doanh vận tải, như: Vận đơn, chứng từ, thư, điện tín v.v... đối với tuyến hàng hải quốc tế ven biển và bằng C trở lên đối với tuyến hàng hải quốc tế gần và tuyến hàng hải quốc tế viễn dương.